|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Đồng Nai, ngày tháng năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

**trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực tiễn sản xuất nông nghiệp nước ta nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng hiện nay đang có những vấn đề đặt ra đó là:

Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh,v.v… như một yếu tố quan trọng của thâm canh góp phần làm nên những thành tự to lớn của nông nghiệp thời gian qua, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Tuy tạo ra được số lượng nông sản lớn nhưng chất lượng chưa cao nên thu nhập của đại bộ phận người dân còn thấp do chỉ đáp ứng được phân khúc thị trường giá rẻ. Phương thức sản xuất thâm canh cao dựa trên nền hóa học đã tạo ra năng suất trần không còn nhiều cơ hội để phát triển; đồng thời gây ô nhiêm môi trường (đất, nước, không khí) do sử dụng quá mức phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh… Quá trình hội nhập quốc tế đòi hỏi chất lượng nông sản cao, nhu cầu lương thực, thực phẩm an toàn không ngừng tăng lên, nhất là sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, vấn đề bảo vệ môi trường đã đặt ra những thách thức rất lớn đối với sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho phép khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên như đất, năng lượng, các chất dinh dưỡng, các quá trình sinh học diễn ra trong tự nhiên với một phương pháp quản lý hợp lý nhất, tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về an toàn thực phẩm, đồng thời cũng đảm bảo cho hệ thống sản xuất bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế.

Với đặc điểm an toàn, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và tốt cho sức khỏe con người, thực phẩm hữu cơ đang ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng; đáp ứng nhu cầu ăn ngon và bảo vệ môi trường đang trở thành xu hướng tiêu dùng tiên tiến hiện nay và trong thời gian tới. Tiêu thụ thực phẩm hữu cơ đã trở thành một xu hướng mới ở Việt Nam; thậm chí, trong vài năm trở lại đây, các sản phẩm hữu cơ đang tạo nên cơn sốt đối với một bộ phận người tiêu dùng.

Phát triển nông nghiệp nông nghiệp hữu cơ là quan điểm xuyên suốt đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã xác định “*Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước;...;khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn;....; Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo*”.

Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2020-2025 xác định một trong các khâu đột phá, đó là*“Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.*

Mặc dù, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ đã được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ, tuy nhiên, chủ yếu là áp dụng các chính sách đã được ban hành, như: chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, v.v; việc áp dụng để triển khai thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do mỗi chính sách có đối tượng thụ hưởng, điều kiện thụ hưởng khác nhau.

Theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, chính sách đặc thù để hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nên không thu hút được các doanh nghiệp có năng lực, đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

Do vậy, việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là yêu cầu cần thiết góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2020-2025.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

a) Mục tiêu tổng thể

Tạo cơ chế pháp lý hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Mục tiêu cụ thể

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ và điều kiện thực tế tại địa phương, nhu cầu sản xuất, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và những khó khăn trong đầu tư, phát triển sản xuất hữu cơ để nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ cụ thể, phù hợp thu hút được các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ một cách hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

*1.1. Xác định vấn đề bất cập*

- Do quá trình thâm canh lâu dài trước đây đã sử dụng nhiều phân bón hóa học, hóa chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí do phát triển công nghiệp và đặc tính thổ nhưỡng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên nhiều diện tích đất canh tác có khả năng không đủ điều kiện theo tiêu chuẩn để sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Vì vậy cần phải được kiểm tra, đánh giá xác định các điều kiện trước khi đưa vào sản xuất hữu cơ.

- Theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ xác định khu vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình (không hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa trở lên).

*1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Hỗ trợ cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp vừa và lớn

- Phân tích các mẫu đất, mẫu nước để xác định diện tích có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ.

*1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

- Phương án 1: Hỗ trợ 100% kinh phí xác định vùng, khu vực đủ Điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí.

- Phương án 2: không hỗ trợ nội dung này cho doanh nghiệp vừa và lớn (áp dụng theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP).

*1.4. Đánh giá tác động các giải pháp*

- Phương án 1:

+ Tác động về kinh tế: Khi có chính sách hỗ trợ sẽ thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Thực tế hợp tác xã, hộ cá thể, trang trại có thể sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuy nhiên, vấn đề phân phối, tiêu thụ sản phẩm với giá trị khác biệt là hạn chế. Chỉ các doanh nghiệp đủ năng lực tham mới hình thành chuỗi phân phối, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ. Khi có chính sách hỗ trợ sẽ thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, khi áp dụng chính sách sẽ tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Huy động được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ

+ Tác động đối với môi trường:Trong quá trình triển khai thực hiện sản xuất hữu cơ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân phải thực hiện các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ do đó không ảnh hưởng mà còn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

+ Hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách này sẽ phù hợp với thực tế của địa phương và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành. Theo đúng quy định của pháp luật.

- Phương án 2: không thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Không phải chi ngân sách.

*1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Thực hiện theo Phương án 1, sẽ huy động được các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp có tiềm lực tham gia sản xuất, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ với giá trị gia tăng hợp lý.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ**

*2.1. Xác định vấn đề bất cập*

- Chứng nhận sản phẩm hữu cơ nhằm khẳng định sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, giấy chứng nhận là yếu tố quan trọng khi đưa sản phẩm ra thị trường. Tuy nhiên, chi phí để cấp chứng nhận sản phẩm hữu cơ hiện nay cao; theo khảo sát các đơn vị tư vấn chứng nhận hữu cơ trong nước, để chứng nhận cho diện tích 3-5 ha liền thửa, chi phí chứng nhận bình quân khoảng 200 triệu đồng, giấy chứng nhận chỉ có giá trị trong thời gian nhất định. Việc chứng nhận làm tăng chi phí sản xuất. Giai đoạn đầu mới chuyển sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, việc thu hồi vốn của người sản xuất kéo dài.

- Theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ xác định khu vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình (không hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa trở lên). Nội dung hỗ trợ chỉ áp dụng đối với chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam, không hỗ trợ đối với chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ nước ngoài.

*2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

­- Hỗ trợ kinh phí chứng nhận hữu cơ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm hữu cơ; giảm bớt khó khăn trong giai đoạn đầu khi thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

- Hỗ trợ chứng nhận theo tiêu chuẩn nước ngoài, sản phẩm hữu cơ của tỉnh có điều kiện tham gia thị trường nông nghiệp hữu cơ thế giới.

*2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

*- Phương án 1:* Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn nước ngoài về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại) đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình. Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn nước ngoài về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại) đối với doanh nghiệp lớn và vừa, tối đa không quá 300 triệu đồng.

- *Phương án 2:* Không hỗ trợ cấp giấy chứng nhận đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ nước ngoài và không hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa trở lên.

*2.4. Đánh giá tác động các giải pháp*

- Phương án 1:

+ Tác động về kinh tế: thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong và ngoài nước; tạo được niềm tin đối với người tiêu dùng.

Tuy nhiên, khi áp dụng chính sách sẽ tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Huy động được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ; mở rộng được thị trường và kênh phân phối; người tiêu dùng phân biệt giữa sản phẩm hữu cơ và sản phẩm truyền thống.

+ Tác động đối với môi trường:Trong quá trình triển khai thực hiện sản xuất hữu cơ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân phải thực hiện các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ do đó không ảnh hưởng mà còn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

+ Hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách này sẽ phù hợp với thực tế của địa phương và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành. Theo đúng quy định của pháp luật.

- Phương án 2:

+ Tác động về kinh tế: không thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, khó mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong và ngoài nước; Không tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: không thúc đẩy được các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ do chi phí đánh giá cấp giấy chứng nhận cao, dẫn đến việc khó nhận diện sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

+ Tác động đối với môi trường: không ảnh hưởng đến môi trường

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

*2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Thực hiện theo Phương án 1, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất hữu cơ, chứng minh nguồn gốc của sản phẩm hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

**3. Chính sách 3: Hỗ trợ giống, vật tư để sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

*3.1. Xác định vấn đề bất cập*

- Để chuyển đổi sang sản xuất và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi chi phí cao. Năng suất cây trồng giảm so với sản xuất thông thường; thời gian chăn nuôi kéo dài. Giai đoạn đầu mới chuyển sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, việc thu hồi vốn của người sản xuất kéo dài. Để sản xuất nông nghiệp hữu cơ cần bố trí vùng đệm, do đó, diện tích sản xuất giảm hoặc phát sinh chi phí tạo vùng cánh ly. Các yếu tố này là trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Các chính sách hiện có, chưa hỗ trợ trong khâu sản xuất. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ (Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh) về khuyến nông, không quy định hỗ trợ giống, vật tư cho sản xuất đại trà. Do vậy, để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, cần có hỗ trợ giống, vật tư để hạn chế khó khăn trong việc đầu tư và thu nhập trong giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

*3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Hỗ trợ một phần kinh phí để các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông dân đảm bảo thu nhập trong quá trình chuyển đổi, mạnh dạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

*3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*a) Phương án 1:*

\* Hỗ trợ đối với diện tích sản xuất theo quy trình hữu cơ nhưng chưa đạt chứng nhận:

Hỗ trợ chế phẩm sinh học đối với kế hoạch/dự án trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Mức hỗ trợ tối đa, như sau:

- Lĩnh vực trồng trọt: 2 triệu đồng/ha.

- Lĩnh vực chăn nuôi: 0,5 triệu đồng/đơn vị vật nuôi (Đơn vị vật nuôi = (trọng lượng bình một con x số con)/500).

- Lĩnh vực thủy sản: 02 triệu đồng/ha.

\* Hỗ trợ đối với diện tích sản xuất đạt chứng nhận hữu cơ:

Hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học đối với kế hoạch/dự án trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, chế phẩm sinh học, thuốc thú y được phép sử dụng đối với kế hoạch/dự án chăn nuôi, thủy sản. Mức hỗ trợ tối đa, như sau:

- Lĩnh vực trồng trọt: 12 triệu đồng/ha nhóm cây rau, đậu, cây dược liệu, lâm nghiệp; 09 triệu đồng/ha nhóm cây lương thực; 36 triệu đồng/ha nhóm cây ăn quả và nhóm cây công nghiệp.

- Lĩnh vực chăn nuôi: 5 triệu đồng/đơn vị vật nuôi (Đơn vị vật nuôi = (trọng lượng bình một con x số con)/500).

- Lĩnh vực thủy sản: 20 triệu đồng/ha.

*b) Phương án 2:* không hỗ trợ sản xuất hữu cơ.

*3.4. Đánh giá tác động các giải pháp*

*-* Phương án 1:

+ Tác động về kinh tế: Chính sách hỗ trợ giống, vật tư để sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm hỗ trợ một phần chi phí đầu tư ban đầu cho các tổ chức, cá nhân để bù đắp phần thu nhập giảm do giảm do năng suất cây trồng và thời gian chăn nuôi kéo dài, thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

Tuy nhiên, khi áp dụng chính sách sẽ tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Khuyến khích được các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

+ Tác động đối với môi trường:Do chỉ hỗ trợ vật tư sản xuất đều là các sản phẩm hữu cơ nên không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái mà còn góp phần bảo vệ môi trường.

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

+ Hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách này sẽ phù hợp với thực tế của địa phương và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành. Theo đúng quy định của pháp luật.

- Phương án 2:

+ Tác động về kinh tế: Nhà nước không phát sinh chi ngân sách.

+ Tác động về xã hội: Không thúc đẩy được các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ do rủi ro còn cao.

*3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Thực hiện theo Phương án 1, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

**1.** Xin ý kiến tham gia, góp ý của các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố. Phương pháp lấy ý kiến: gửi văn bản và hồ sơ dự thảo Nghị quyết để xin ý kiến.

**2.** Xin ý kiến Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh, các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sản xuất nông nghiệp; Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế. Phương pháp lấy ý kiến bằng văn bản; hội thảo trực tuyến, trực tiếp.

**3.** Xin ý kiến Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai. Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

**4.** Lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan. Phương pháp lấy ý kiến bằng văn bản.

**5.** Xin ý kiến Nhân dân: đăng tải trên Công thông tin điện tử tỉnh và của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện chính sách báo cáo UBND tỉnh và Hội đồng nhân nhân tỉnh. Tham mưu xử lý khó khăn, kiến nghị liên quan của các dự án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

**V. PHỤ LỤC**

Dự kiến kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện chính sách là 6.000 triệu đồng.

*(Chi tiết tại phụ biểu đính kèm)*